

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUAN SƠN
TỈNH THANH HÓA**

Bản án số: 06/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 28/9/2023

V/v: “Ly hôn”

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUAN SƠN - TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bàn Hữu Văn

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Huy

2. Bà Lữ Thị Thu Hà

Thư ký tòa án phiên tòa: Ông: Trịnh Xuân Tùng - Thư ký TAND huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện VKSND huyện Quan Sơn tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Chính - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 48/2023/TLST- HNGĐ ngày 10/7/2022, Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 30/7/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2023/QĐST-HNGĐ ngày 13/9/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lộc Thị T - Sinh năm 1990

Trú tại: Bản N, xã S, huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh hóa.

- Bị đơn: Anh Ngân Văn T1- Sinh năm 1991

Trú tại: Bản B, xã N, huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh hóa.

Tại phiên tòa chị Lộc Thị T có mặt; anh Ngân Văn T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 07/7/2023, bản tự khai ngày 14/7/2023 cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Lộc Thị T cho biết:*

- Về hôn nhân: Chị và anh Ngân Văn T1 tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện Quan Sơn vào ngày 13/12/2012. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bình thường được một thời gian đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do tình tình vợ chồng không hợp, hay bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra xung đột, cãi vã và ngày càng trầm trọng hơn. Chị và anh T1 đã sống ly thân kể từ năm 2020 đến nay không ai quan tâm tới nhau nữa.

Nay xác định mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng thực sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Ngân Văn T1.

- Về con chung: Chị và anh T1 không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản, công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị đề nghị chịu toàn bộ án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Kèm theo đơn khởi kiện và bản tự khai, chị T còn nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ gồm: Trích lục kết hôn (bản sao); CCCD chị T (phô tô chứng thực); 01 Xác nhận thông tin về nơi cư trú; 01 Giấy xin xác nhận nơi cư trú của bị đơn; Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ngày 10/7/2023.

* Đối với bị đơn anh Ngân Văn T1, Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án, bao gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Giấy triệu tập đương sự đến Tòa án để trình bày quan điểm về vụ án; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa; nhưng anh T1 không có mặt theo yêu cầu của Tòa án. Vì vậy, Tòa án không thể tiếp cận được với anh T1 để lấy lời khai của anh. Tòa án đã tiến hành lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải được theo quy định của pháp luật làm cơ sở cho việc giải quyết vụ án.

* Ngày 15 tháng 8 năm 2023, Tòa án phối hợp cùng chính quyền địa phương xác minh và thu thập chứng cứ, tiến hành ghi ý kiến của ông Ngân Văn P – Bố đẻ anh Ngân Văn T1, địa chỉ: Bản B , xã N, huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa có sự chứng kiến của ông Vi Văn C - Trưởng bản B để xác định mâu thuẫn vợ chồng. Ông P cho biết:

- Về hôn nhân: Anh T1 và chị T kết hôn hợp pháp tại UBND xã N vào năm 2012, sau khi kết hôn anh, chị chung sống tại gia đình ông ở B , xã N. Quá trình chung sống đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung nên hay xảy ra xung đột, cãi vã và ngày càng trầm trọng hơn. Năm 2020 chị T, anh T1 đã sống ly thân mỗi người một nơi, chị T về sinh sống cùng gia đình bố mẹ đẻ tại xã Sơn Điện, huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Từ đó đến nay không về, không quan tâm, hỏi han gì đến gia đình. Nay chị T xin ly hôn anh T1, anh T1 cũng trao đổi lại với gia đình là đồng ý ly hôn vì vậy ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

- Về con chung: Anh T1, chị T không có con chung, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

- Về tài sản và công nợ: Anh T1, chị T không có tài sản và công nợ chung gì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

- Về việc nhận các văn bản tố tụng của Tòa án: Vì anh T1 thường hay vắng nhà nên ông đã nhận thay Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác của

Tòa án gửi cho anh T1. Ông đã thông báo và giao lại ngay cho anh T1, anh T1 đã biết việc Tòa án thụ lý đơn khởi kiện về việc ly hôn của chị T nhưng vì đang bận công việc nên anh T1 chưa thể về được. Quan điểm của anh T1 là đồng ý ly hôn và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

* Ý kiến của đại diện VKSND huyện Quan Sơn: Trong quá trình giải quyết vụ án và tố tụng tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán, HĐXX đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật pháp luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án đề nghị HĐXX áp dụng điểm b khoản 2 điều 227; khoản 3 điều 228 của Bộ luật TTDS; Khoản 1 điều 56 Luật HNGĐ giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn chị Lộc Thị T đối với bị đơn anh Ngân Văn T1. Chị Thuận phải chịu án phí theo quy định của Pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Ý kiến của nguyên đơn; đại diện VKSND. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của đương sự: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho bị đơn anh Ngân Văn T1 các văn bản tố tụng của Tòa án; anh T1 vắng mặt lần thứ 02 không có lý do nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 điều 227; khoản 3 điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Ngân Văn T1.

[2] Thẩm quyền giải quyết: Đơn khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn đã làm đúng theo mẫu quy định, nội dung khởi kiện xin ly hôn phù hợp với khoản 1 điều 28 của BLTTDS; Bị đơn có nơi cư trú tại địa bàn huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Quan Sơn theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39 của BLTTDS.

[3] Về hôn nhân: Chị Lộc Thị T và anh Ngân Văn T1 tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện Quan Sơn vào ngày 12/3/2012 là hôn nhân hợp pháp theo qui định tại điều 9 luật HNGĐ năm 2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống bình thường đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, thường hay xảy ra xung đột, cãi vã và ngày càng trầm trọng hơn. Thực tế, chị T, anh T1 đã ly thân mỗi người sống một nơi. Nay xác định không thể sống chung được với nhau, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn anh Ngân Văn T1.

Qua chứng cứ do nguyên đơn cung cấp đó là đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 07/7/2023, bản tự khai ngày 14/7/2023; Biên bản xác minh lấy ý kiến ngày 15/8/2023 mà Tòa án thu thập. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định tình trạng mâu thuẫn hôn nhân của anh T1, chị T thực sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, có kéo dài cũng không đem lại hạnh phúc. Nay chị T có đơn ly hôn HĐXX áp dụng Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56 Luật HNGĐ năm 2014 chấp nhận đơn ly hôn của chị T đối với anh T1.

[4] Về con chung: Chị Lộc Thị T và anh Ngân Văn T1 không có con chung nên HĐXX không xem xét.

[5] Về tài sản, công nợ chung: Chị Lộc Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Lộc Thị T là nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

[7] Ý kiến của đại diện VKSND huyện Quan Sơn tại phiên tòa hôm nay về việc áp dụng pháp luật tố tụng của Thẩm phán của HĐXX và các căn cứ pháp luật áp dụng để giải quyết vụ án đúng với quy định của pháp luật. HĐXX chấp nhận toàn bộ đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quan Sơn.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

- **Căn cứ vào:** Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điểm b Khoản 2 điều 227; khoản 3 điều 228 của Bộ luật TTDS; Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 6; điểm a Khoản 1 Điều 24; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- **Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lộc Thị T.

Về hôn nhân: Xử cho chị Lộc Thị T được ly hôn anh Ngân Văn T1.

Về án phí: Chị Lộc Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn) án phí ly hôn sơ thẩm được trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quan Sơn, theo biên lai thu số AA/2022/0006331 ngày 10/7/2023. (Chị T đã nộp đủ án phí).

Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự, nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản án./.

Nơi nhận

- Các đương sự;
- Chi cục THADS h. Quan Sơn;
- VKSND huyện Quan Sơn;
- UBND xã N;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bàn Hữu Văn